

Thứ tư, ngày 28 tháng 2 năm 2024

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng hơn 17 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/2/2024		•	
Tuần 26/02 - 01/03/2024		•	
Tháng 2/2024		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục tăng hơn 17 điểm trong ngày hôm nay, đóng cửa tại mốc 1,254.55 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Truyền thông dẫn đầu đà tăng hôm nay, theo sau là ngành Dầu khí, Ngân hàng,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. VN-Index vượt đỉnh ngắn hạn và ngưỡng tâm lý 1,250 điểm nhờ sự vận động tăng giá mang tính kỹ thuật từ các cổ phiếu ngân hàng lớn, đặc biệt là VCB. Trong những phiên tới, VN-Index sẽ có phiên giằng co, củng cố vùng giá mới trước khi hình thành những phiên giao dịch chạy đà xác lập các vùng giá cao mới trong năm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL vận động cùng chiều với đà tăng của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/2/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+17.09** điểm, đóng cửa **1254.55** điểm. HNX-Index **-0.21** điểm, đóng cửa 235.16 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+9.16)**, **BID (+1.27)**, **VPB (+1.09)**, **VRE (+0.81)**, **TPB (+0.48)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.26)**, **VGC (-0.14)**, **DGC (-0.1)**, **BMP (-0.07)**, **STG (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21151** tỷ đồng, giảm **-1.45%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22689 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.23 điểm. Thị trường có **309** mã tăng, 67 mã tham chiếu, **180** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **221.31** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG(130.52 tỷ)**, **SSI(54.7 tỷ)**, **TPB(42.79 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-10.56** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+1.20%**. Các mã diễn biến tích cực: **PVD (+6.94%)**, **VCB (+6.92%)**, **VRE (+5.30%)**
- BSC50 **+0.55%**. Các mã diễn biến tích cực: **BAF (+6.35%)**, **TPB (+4.44%)**, **REE (+3.55%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Truyền thông	3.17%	Dịch vụ tài chính	0.17%
Dầu khí	2.95%	Hóa chất	-0.01%
Ngân hàng	2.67%	Hàng cá nhân & Gia	-0.04%
Hàng & Dịch vụ Công	1.40%	Y tế	-0.07%
Bán lẻ	0.90%	Du lịch và Giải trí	-0.10%
Tài nguyên Cơ bản	0.77%	Xây dựng và Vật liệu	-0.53%
Thực phẩm và đồ uống	0.75%	Ô tô và phụ tùng	-0.59%
Bất động sản	0.65%		
Công nghệ Thông tin	0.44%	VN30	1.40%
Điện, nước & xăng dầu khí	0.37%	VNSML	0.35%
Bảo hiểm	0.20%	VNMID	0.30%

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang
trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1254.55**
Giá trị: 21151.04 tỷ **17.09 (1.38%)**
Khối ngoại (ròng): 221.37 tỷ

HNX-INDEX **235.16**
Giá trị: 1818.04 tỷ **-0.21 (-0.09%)**
Khối ngoại (ròng): -10.56 tỷ

UPCOM-INDEX **90.54**
Giá trị: 766.75 tỷ **0.14 (0.16%)**
Khối ngoại (ròng): -8.24 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	78.7	1.46%
Giá vàng	2,030	-0.03%
Tỷ giá USD/VND	24,625	-0.04%
Tỷ giá EUR/VND	26,640	-0.25%
Tỷ giá JPY/VND	163.34	-0.21%
LS liên NH 1 tháng	2.14%	
LS TPCP 5 năm	1.57%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	130.52	EVF	-69.29
SSI	54.70	CTG	-37.03
TPB	42.79	VHC	-33.66
PVD	38.42	GEX	-29.25
VPB	37.91	MSN	-26.61

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Danh mục BSC30	Trang 2
Danh mục BSC50	Trang 3
Báo cáo mới nhất	Trang 4
Khuyến cáo sử dụng	Trang 5

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 28/02/2024

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	78.71	1.46%	2.17%	2.66%	1.97%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	83.33	0.97%	1.20%	1.83%	0.60%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.34	1.40%	2.65%	3.23%	-11.18%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	1.80	3.49%	9.65%	-13.60%	-36.96%		
TTF Gas	EUR/MWh	24.39	1.60%	0.93%	-13.42%	-47.73%		
Vàng	Ounce	2,030.00	-0.03%	0.32%	-0.09%	11.10%		PNJ
Bạc	Ounce	22.48	-0.17%	-2.13%	-3.02%	7.47%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,129.75	-0.55%	-4.18%	-5.40%	-23.61%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.11	-0.06%	-0.43%	5.85%	-9.75%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	161.50	1.38%	3.99%	6.18%	18.58%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	23.84	2.98%	4.79%	1.32%	7.97%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, QNS
Ure	USD/T	405.00	0.00%	0.25%	1.25%	6.58%		DPM, DCM
Niken	LB	16,931.00	-1.97%	5.12%	4.66%	-33.09%		PC1
Đồng	LB	3.83	0.30%	-0.94%	-1.23%	-6.41%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,200.00	-1.79%	-5.17%	-7.56%	-20.58%		CSV
Thép	CNY/ton	3,755.00	0.45%	-0.32%	-4.98%	-9.91%		HPG
Nhôm	Ton	2,200.00	0.92%	0.30%	-2.85%	-7.29%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent giao sau tăng 1.22 USD, tương đương 0.97%, lên 83.33 USD/thùng. Dầu thô West Texas Intermediate (WTI) của Mỹ giao tháng 3/2024 tăng 1.01 USD, tương đương 1.46%, lên 77.61 USD/thùng.
- Giá dầu quay đầu giảm trong phiên giao dịch trầm lắng cùng với ngày nghỉ lễ Tổng thống ở Mỹ và những lo lắng về nhu cầu toàn cầu bù đắp hỗ trợ giá từ cuộc xung đột Israel-Hamas.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.03% xuống 2,032.19 USD/ounce vào lúc 18:52 GMT. Giá vàng kỳ hạn của Mỹ tăng 0.8% lên 2,039.8 USD.
- Giá vàng đã tăng lên mức cao nhất trong hơn một tuần khi USD giảm, trong khi tập trung chú ý vào biên bản cuộc họp chính sách tiền tệ mới nhất của Fed để thấy các tín hiệu về việc cắt giảm lãi suất hơn nữa, dự kiến công bố vào hôm nay.

Giá Quặng sắt

- Quặng sắt giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc chốt phiên giảm 5.41% xuống 909.5 nhân dân tệ (126.35 USD)/tấn, thấp nhất kể từ ngày 1/11. Quặng sắt kỳ hạn tháng 3/2024 trên Sàn giao dịch Singapore giảm 4.39% xuống 121.8 USD/tấn vào lúc 0722 GMT, thấp nhất kể từ ngày 8/11/2023.
- Giá quặng sắt kỳ hạn giảm xuống mức thấp nhất trong hơn 3 tháng, do lo ngại gia tăng về triển vọng nhu cầu từ Trung Quốc bất chấp động thái mới nhất nhằm vực dậy thị trường bất động sản.

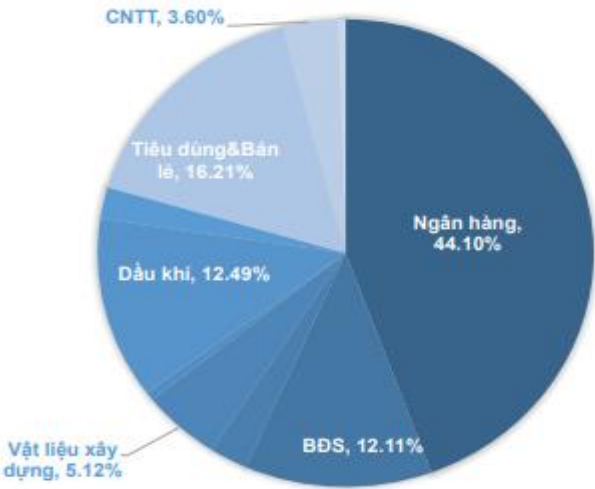
Giá hàng hóa khác

- Giá lúa mì kỳ hạn tại Chicago đã tăng 4% khỏi mức thấp nhất do hoạt động mua ngắn hạn khi USD yếu, căng thẳng địa chính trị và mùa trồng trọt mùa xuân.
- Giá ngô tại Chicago tăng nhẹ vào cuối phiên giao dịch sau khi giảm xuống mức thấp nhất trong hơn ba năm, các thương nhân cho biết.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	97.4	6.9%	0.6	22,075	16.7	5,910	16.5	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	53.9	1.7%	0.9	12,460	5.1	3,781	14.3	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.9	2.8%	1.1	6,402	16.9	1,267	15.7	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	42.2	0.6%	1.1	6,028	12.9	5,111	8.3	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	24.4	0.6%	1.1	5,159	19.1	3,966	6.2	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	31.4	2.1%	1.0	2,400	36.3	4,094	7.7	31,200	23.9%	Link
GVR	BĐS KCN	28.9	0.0%	1.5	4,688	6.5	646	44.7	19,100	0.4%	Link
KBC	BĐS KCN	31.2	0.5%	1.6	971	7.0	2,606	12.0	42,500	20.8%	Link
IDC	BĐS KCN	58.7	-0.3%	1.1	786	4.2	4,221	13.9	45,900	20.3%	Link
VGC	BĐS KCN	53.7	-2.4%	1.3	976	2.9	2,717	19.8	-	5.3%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	30.6	0.8%	1.3	7,215	43.7	1,176	26.0	23,300	25.2%	Link
VHM	Bất động sản	44.4	0.5%	1.3	7,840	11.3	7,607	5.8	79,900	22.5%	Link
VRE	BĐS	27.8	5.3%	1.1	2,562	23.1	1,940	14.3	38,900	29.8%	Link
KDH	BĐS	32.4	-0.6%	1.4	1,050	2.4	897	36.1	44,100	37.6%	Link
NLG	BĐS	38.2	-0.8%	1.3	596	2.7	1,257	30.4	46,100	44.7%	Link
DGC	Hóa chất	110.5	-1.0%	1.4	1,702	12.5	8,146	13.6	85,000	19.5%	Link
DPM	Phân bón	34.9	1.0%	1.3	554	7.6	1,361	25.6	41,000	8.9%	Link
DCM	Phân bón	34.0	1.2%	1.5	731	10.4	2,091	16.3	36,000	10.2%	Link
GAS	Dầu khí	78.0	0.5%	0.8	7,265	5.0	5,053	15.4	110,500	2.5%	Link
PLX	Dầu khí	36.2	1.5%	1.0	1,865	3.2	2,213	16.4	45,000	17.2%	Link
PVS	Dầu khí	37.2	1.9%	0.8	721	19.0	1,812	20.5	38,500	19.1%	Link
PVD	Dầu khí	30.8	6.9%	1.0	694	27.8	1,035	29.8	29,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.8	0.4%	0.8	1,121	3.4	459	25.7	14,500	3.9%	Link
VNM	F&B	72.2	0.3%	0.8	6,119	10.0	4,246	17.0	81,700	52.9%	Link
MSN	F&B	68.3	1.0%	1.7	3,963	9.6	293	233.4	27,700	27.7%	Link
MWG	Bán lẻ	45.3	1.2%	1.6	2,686	25.3	115	395.1	63,800	45.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	90.2	0.3%	0.5	1,224	3.5	6,011	15.0	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	71.4	1.0%	0.9	650	5.8	4,793	14.9	90,900	32.4%	Link
GMD	Logistics	75.0	1.2%	0.9	930	6.1	7,262	10.3	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	108.5	0.6%	0.7	5,588	15.2	5,095	21.3	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	36.0	-0.6%	1.1	7,828	14.3	3,723	9.7	1.5	297.5%	16.1%
ACB	Ngân hàng	28.0	1.4%	0.8	4,410	11.9	4,131	6.8	1.5	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	23.2	2.2%	0.8	2,721	5.8	3,482	6.7	1.5	19.8%	23.2%
LPB	Ngân hàng	17.3	0.6%	0.7	1,794	2.0	2,179	7.9	1.3	1.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	22.1	0.7%	1.2	2,274	4.2	3,376	6.5	1.5	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	22.6	-0.9%	1.6	1,116	19.7	1,662	13.6	1.7	21.8%	3.8%
TPB	Ngân hàng	20.0	4.4%	1.0	1,786	20.8	2,027	9.9	1.3	29.1%	19.8%
SSI	chứng khoán	36.1	0.6%	1.2	2,195	38.2	1,529	23.6	2.4	43.9%	9.0%
CII	Xây dựng	18.7	-0.3%	1.7	241	6.6	589	31.8	-0.6	6.1%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.6	-0.9%	1.5	0	0.3	431	26.9	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	67.2	-0.1%	0.9	272	4.6	1,894	35.5	0.8	44.3%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.5	-0.6%	1.3	259	2.8	777	19.9	0.8	0.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	13.1	-0.8%	1.4	101	2.7	635	20.6	1.0	3.9%	3.8%
BCM	KCN	63.4	0.2%	0.9	2,661	2.0	2,359	26.9	3.6	2.0%	1.7%
HUT	KCN	18.9	1.6%	1.7	684	3.2	45	420.5	1.9	0.0%	1.3%
PHR	KCN	56.8	0.7%	1.1	312	1.0	4,592	12.4	2.1	16.2%	26.9%
SZC	KCN	43.2	-1.7%	1.4	315	3.1	1,827	23.6	3.0	2.5%	10.9%
HSG	Vật liệu	22.9	0.2%	1.7	572	7.7	1,321	17.3	1.3	23.3%	2.3%
HT1	Vật liệu	13.4	0.0%	1.4	207	0.1	44	302.2	1.1	3.3%	1.3%
NKG	Vật liệu	24.2	0.2%	1.6	258	6.4	464	52.0	1.2	13.9%	13.5%
PTB	Vật liệu	57.1	-0.9%	0.5	155	0.5	4,368	13.1	1.4	21.3%	13.4%
KSB	Vật liệu	25.9	-0.8%	1.6	120	1.4	1,066	24.3	1.0	2.8%	5.8%
NVL	BĐS	17.0	-0.3%	2.0	1,344	10.3	413	41.2	0.9	3.6%	1.9%
DXG	BĐS	18.0	-0.8%	2.0	528	5.1	245	73.8	1.4	17.0%	3.4%
HDC	BĐS	30.8	-0.6%	1.5	169	1.4	972	31.7	2.2	1.2%	16.9%
DIG	BĐS	27.0	-1.3%	1.8	668	14.9	283	95.4	2.1	5.4%	1.1%
IJC	BĐS	14.7	2.1%	1.6	225	2.4	1,569	9.4	1.0	4.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	20.2	2.5%	1.2	0	11.2	2,745	7.4	1.1	0.0%	9.7%
PVT	Dầu khí	27.0	0.9%	0.8	354	7.4	2,998	9.0	1.2	12.7%	16.4%
PLC	Vật liệu	32.6	1.2%	1.3	107	0.3	1,333	24.4	2.0	1.0%	8.5%
DRC	Săm lốp	32.4	-1.7%	0.8	156	1.2	2,086	15.5	2.1	11.7%	13.5%
REE	Tiện ích	61.2	3.6%	0.8	1,014	3.9	5,353	11.4	1.5	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	22.6	2.5%	1.9	779	30.4	389	58.0	1.6	10.1%	5.4%
NT2	Tiện ích	25.9	0.2%	0.9	302	0.8	1,718	15.1	1.7	12.7%	16.2%
HDG	Bất động sản	26.6	0.2%	1.2	330	2.0	2,327	11.5	1.4	18.6%	16.8%
PC1	Tiện ích	27.7	0.2%	1.4	349	10.1	439	63.1	2.2	8.1%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.2	-0.4%	0.8	183	0.2	402	32.8	1.0	38.0%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.5	-0.7%	1.8	184	1.8	141	60.4	0.6	1.8%	0.3%
SAB	F&B	57.7	2.5%	0.9	3,001	2.6	3,210	18.0	3.2	61.3%	18.7%
QNS	F&B	48.4	0.8%	0.7	0	1.4	6,134	7.9	2.0	15.6%	24.3%
FRT	Bán lẻ	136.3	0.3%	0.7	753	4.3	(2,537)	-53.7	13.2	35.8%	11.8%
DGW	Bán lẻ	55.4	-0.2%	1.5	375	3.4	2,121	26.1	3.7	22.9%	21.9%
DBC	F&B	30.2	1.7%	1.4	296	15.9	103	292.3	1.6	3.8%	2.9%
PET	Bán lẻ	24.9	2.0%	1.3	108	0.5	942	26.4	1.5	0.0%	5.7%
BAF	F&B	26.8	6.3%	0.4	156	8.1	139	192.8	2.3	0.2%	10.2%
ANV	Thủy sản	34.0	-1.4%	1.3	184	4.0	314	108.2	1.8	2.2%	10.0%
VSC	Logistics	22.8	1.1%	1.3	247	5.6	946	24.2	1.1	1.4%	7.9%
HAH	Logistics	42.7	0.0%	1.5	183	4.6	3,648	11.7	1.7	5.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	102.5	0.3%	0.9	475	1.0	4,515	22.7	6.0	11.0%	32.1%
TNG	Dệt may	21.4	-0.5%	1.1	98	1.6	1,997	10.7	1.5	19.7%	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
5	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2024	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639